

Biểu số: 12.N/BC-BDTTG Ban hành theo Thông tư số 07/2025/TT-BDTTG ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Ngày nhận báo cáo: 15/3 năm sau	Số cơ sở tôn giáo (Năm)	Đơn vị báo cáo: Cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Dân tộc và Tôn giáo (Vụ Kế hoạch - Tài chính)
--	-----------------------------------	--

	Mã số	Số cơ sở thờ tự (Cơ sở)	Số cơ sở đào tạo (Cơ sở)	Số cơ sở bảo trợ xã hội (Cơ sở)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số	01			
Chia theo tôn giáo				
Công giáo	02			
Phật giáo	03			
Tin lành	04			
Cao Đài	05			
Phật giáo Hòa Hảo	06			
Hồi giáo	07			
Tôn giáo Baha'i	08			
Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam	09			
Phật giáo Tứ Ân Hiếu nghĩa	10			
Bửu Sơn Kỳ hương	11			
Minh Sư đạo	12			
Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu	13			
Bà-la-môn giáo	14			
Mặc Môn	15			
Phật giáo Hiếu nghĩa Tà lon	16			
Cơ đốc Phục Lâm	17			

Các tôn giáo khác (các tổ chức được công nhận tổ chức tôn giáo, được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo sau năm 2023)	18			
--	----	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 12.N/BC-BD TTG: Số cơ sở tôn giáo

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.
- Phương pháp tính: Số lượng cơ sở tôn giáo hiện có đến thời điểm thống kê.

2. Cách ghi biểu

Cột 1: Ghi tổng số cơ sở thờ tự và chia theo từng tôn giáo tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo.

Cột 2: Ghi tổng số cơ sở đào tạo và chia theo từng tôn giáo tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo.

Cột 3: Ghi tổng số cơ sở bảo trợ xã hội và chia theo từng tôn giáo tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 31 tháng 12 năm báo cáo.

3. Nguồn số liệu

Số liệu thống kê do cơ quan công tác dân tộc và tôn giáo cấp tỉnh chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp.